

Bản án số: 191/2020/DS-ST

Ngày: 25/9/2020.

V/v tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Lâm Sơn
2. Ông Huỳnh Thanh Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2020/QĐST-DS ngày 14/8/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.V; địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là ông Ngô Quang Trung, chức vụ Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Phúc Huy, sinh năm 1983 – Chức vụ: PGĐ Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ (Theo Quyết định số: 363/2019/UQ-PCTT ngày 18/11/2019 của Tổng Giám đốc về việc ký đại diện Ngân hàng TMCP B.V.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Bình H (số điện thoại: 0976.374.848); địa chỉ: số 1189, đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Bình, thành phố L.X, tỉnh An Giang (theo Văn bản ủy quyền số 130/2020/UQ-TTQL và THN ngày 10/4/2020), (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1951. địa chỉ: số 191, đường Nguyễn Huệ, ấp Thị I, thị trấn C.M, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Tiến C, sinh năm 1985, (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1982, (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 191, đường Nguyễn Huệ, ấp Thị I, thị trấn C.M, huyện C.M, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày tại các phiên hòa giải, nguyên đơn NHTMCP B.V do ông Trần Bình H đại diện trình bày:*

Theo hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0471900111000 ngày 19/4/2019 thể hiện Ngân hàng BVB có cho ông Nguyễn Văn L vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu) theo giấy nhận nợ số 0471900111000001 ngày 22/4/2019. mục đích vay mua bán lúa gạo, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay thỏa thuận trên giấy nhận nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn L đã ký với “BVB” Hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 544,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thị 1, thị trấn C.M, huyện C. M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, số vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/01/2004. Hợp đồng được công chứng theo đúng quy định pháp luật.

Quá trình vay vốn, ông Nguyễn Văn L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc đòi nợ, thông báo khởi kiện nhưng ông Lo vẫn không trả nợ.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020, Ngân hàng TMCP B.V (BVB) yêu cầu: Ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 09/4/2020 là 534.420.475 đồng (Năm trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Trong đó, cụ thể gồm:

- Gốc: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Lãi trong hạn: 29.548.494 đồng;
- Lãi phạt chậm trả: 701.570 đồng;
- Lãi quá hạn: 4.170.411 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu lãi, phí/phạt phát sinh kể từ ngày 10/4/2020 theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng khách hàng từng lần cá nhân số 0471900111000 ngày 19/4/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ thì Ngân hàng TMCP B.V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 544,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại

ấp Thị 1, thị trấn C.M, huyện C. M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, sổ vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/01/2004.

Toàn bộ tiền từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0471900111100 ngày 22/4/2019 thì ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B.V.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn, bị đơn Nguyễn Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến C, Nguyễn Tiến B đều vắng mặt tại phiên hòa giải lần 2 nên không thể ghi nhận ý kiến, không thể tiến hành hòa giải được. Mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, các thông báo theo đúng quy định pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0471900111000 (Bản photo); Giấy nhận nợ số 0471900111000001 ngày 22/4/2019 (Bản photo); Bảng tính lãi ngày 09/4/2019 (Bản chính); Hợp đồng thế chấp QSDĐ số 0471900111100 ngày 22/4/2019 (Bản photo); Hồ sơ pháp lý tài sản đảm bảo (Bản photo); Hồ sơ pháp lý nhân thân ông Nguyễn Văn L; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng BVB;

- Bị đơn Nguyễn Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến C, Nguyễn Tiến B đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên không thể ghi nhận ý kiến, không thể tiến hành hòa giải được. Bị đơn Nguyễn Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến C, Nguyễn Tiến B không cung cấp bản tự khai, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/9/2020, trong đơn có nội dung vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình. Yêu cầu ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B.V tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 566.526.575 đồng (bao gồm nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.629.041 đồng và lãi quá hạn 12.897.543 đồng).

Bị đơn Nguyễn Văn L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến C, Nguyễn Tiến B đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến tại phiên tòa đối với yêu cầu của nguyên đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Trần Bình H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn L, người có liên quan Nguyễn Tiến C, Nguyễn Tiến B tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP B.V khởi kiện yêu cầu Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 566.526.575 đồng (bao gồm nợ gốc, lãi và lãi quá hạn). Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà NHTMCP B.V đã ký với ông L đã ký kết với Ngân hàng TMCP B.V vào ngày 19/4/2019 thể hiện Ngân hàng có cho ông L vay số tiền vốn 500.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11,8%/năm, theo đó tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất diện tích 544,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thị 1, thị trấn C.M, huyện C.M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, số vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện C.M cấp ngày 09/01/2004 cấp cho ông Nguyễn Văn L. Quá trình vay vốn, ông Nguyễn Văn L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc đòi nợ, thông báo khởi kiện nhưng ông L vẫn không trả nợ, nên có căn cứ xác định việc yêu cầu khởi kiện của phía Ngân hàng buộc ông L phải trả nợ là có căn cứ.

Đối với việc Ngân hàng TMCP B.V rút lại đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi, đây là sự tự nguyện nên đề nghị xem xét đình chỉ đối với yêu cầu này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.V.

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B.V số tiền 566.526.575 đồng (gồm tiền vốn gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn). Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để đảm bảo cho việc Thi hành án.

Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP Bản Việt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP B.V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP B.V với ông Nguyễn Văn L là tranh chấp “hợp đồng dân sự, vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP B.V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả nợ vay; bị đơn Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại thị trấn C.M, huyện C.M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.M, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Trần Bình H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn L, và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tiến C, Nguyễn Tiến B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[4] Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0471900111000 ngày 19/4/2019 thể hiện Ngân hàng BVB có cho ông Nguyễn Văn L vay số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu*) theo giấy nhận nợ số 0471900111000001 ngày 22/4/2019; mục đích vay mua bán lúa gạo, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay thỏa thuận trên giấy nhận nợ; đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng trên, ông Nguyễn Văn L đã ký với “BVB” Hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 544,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thị 1, thị trấn C.M, huyện C.M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, số vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/01/2004. Hợp đồng được công chứng theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Văn L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc đòi nợ, thông báo khởi kiện nhưng ông L vẫn không trả nợ.

Với những tình tiết nêu trên, có cơ sở xác định giữa Ngân hàng TMCP B.V với ông Nguyễn Văn L có xác lập hợp đồng vay tài sản, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc Ngân hàng BVB khởi kiện yêu cầu ông L trả số tiền vay, vốn gốc 500.000.000 đồng lãi trong hạn 53.629.041 đồng và lãi quá hạn 12.897.543 đồng tính đến ngày 25/9/2020. Tổng cộng 566.526.575 đồng là có căn cứ.

Bên cạnh đó, Hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 544,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thị 1, thị trấn C.M, huyện C.M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, số vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/01/2004. Do ông Nguyễn Văn L còn phải có nghĩa vụ trả nợ, nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng BVB, tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc Thi hành án là phù hợp.

Đối với số tiền lãi phạt chậm trả lãi, phía Ngân hàng TMCP B.V rút lại không yêu cầu khoản này, đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của phía Ngân hàng TMCP Bản Việt yêu cầu ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ trả vốn gốc 500.000.000 đồng lãi trong hạn 53.629.041 đồng và lãi quá hạn 12.897.543 đồng tính đến ngày 25/9/2020. Tổng cộng 566.526.575 đồng và tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2018 để đảm bảo cho việc Thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật người cao tuổi năm 2009.

Do yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.688.000 đồng theo biên lai thu số 0008359 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Lẽ ra, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật với số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận là 26.661.063 đồng, nhưng do ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi, có đơn xin được xem xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (thuộc trường hợp được miễn) nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông L.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 244, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 90; 91; 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 323, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật người cao tuổi năm 2009.

#### **1. Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.V.

Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B.V số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/9/2020 gồm: Nợ gốc 500.000.000 đồng, nợ lãi trong là 53.629.041 đồng, nợ lãi quá hạn 12.897.534 đồng). Tổng cộng, ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 566.526.575 đồng (*Năm trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.V với số tiền 2.519.454 đồng.

Kể từ ngày 26/9/2020 trở đi, ông Nguyễn Văn L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 0471900111000 ngày 19/4/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.V đã ký với ông Nguyễn Văn L cho đến khi ông L trả dứt nợ cho Ngân hàng.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.688.000 đồng theo biên lai thu số 0008359 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông Nguyễn Văn L do là người cao tuổi, có đơn xin xem xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm (thuộc trường hợp được miễn), được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 544,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thị 1, thị trấn C.M, huyện C.M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, số vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện C.M cấp ngày 09/01/2004 cấp cho ông Nguyễn Văn L để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Văn L không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ thì Ngân hàng TMCP B.V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi toàn bộ các tài sản theo hợp đồng thế chấp số 0471900111100 ngày 22/4/2018, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 544,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Thị 1, thị trấn Chợ Mới, huyện C.M, tỉnh An Giang theo giấy CNQSDĐ, số vào sổ GCN 0105 QSDĐ/Hb do UBND huyện Chợ Mới cấp ngày 09/01/2004.

## 3. Về chi phí tố tụng khác:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần B.V đã tạm nộp nên ông L có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B.V số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn).

## 4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.



Biên bản nghị án kết thúc vào lúc:.....giờ.....phút cùng ngày, đọc lại cho các thành viên cùng nghe. Tất cả cùng thống nhất nội dung và đồng ý ký tên vào biên bản.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải

lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: